

Số: 218/2026/QĐST-VHNGĐ

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 9 năm 2026

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 548/2026/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2026, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

Bà Nguyễn Ngọc Dạ Linh C, sinh năm: 1991; CCCD: 077191008037, do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021; Địa chỉ: E, ấp L, xã L, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Ngọc Q sinh năm: 1982; CCCD: 077082001790, do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021; Địa chỉ: Số F, đường P, phường V, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Dạ Linh C và ông Trần Ngọc Q chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũ vào ngày 19/4/2019. Vợ chồng tự nguyện chung sống không bị ai ép buộc, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, được 01 khoảng thời sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, hai vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng bất thành. Ông bà đã tự chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2023 cho đến nay. Qua trình bày của các đương sự, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà C, ông Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà C, ông Q thống nhất ly

hôn. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, ghi nhận việc bà Nguyễn Ngọc Dạ Linh C và ông Trần Ngọc Q thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc Dạ Linh C và ông Trần Ngọc Q có 01 con chung là Trần Ngọc Phúc K, sinh ngày 04/7/2019. Bà C và ông Q thỏa thuận: Sau khi ly hôn, giao con chung cho bà Nguyễn Ngọc Dạ Linh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trần Ngọc Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ tháng 9/2026. Xét việc thỏa thuận về nuôi con của ông Q, bà C là tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc Dạ Linh C và ông Trần Ngọc Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Dạ Linh C và ông Trần Ngọc Q tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Ngọc Dạ Linh C và ông Trần Ngọc Q thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Bà Nguyễn Ngọc Dạ Linh C và ông Trần Ngọc Q thỏa thuận: Giao con chung là Trần Ngọc Phúc K, sinh ngày 04/7/2019 cho bà Nguyễn Ngọc Dạ Linh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trần Ngọc Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ tháng 9/2026.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6,7, 36 và 37 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi ly hôn, ông Trần Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Bà Nguyễn Ngọc Dạ Linh C và ông Trần Ngọc Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về lệ phí hôn nhân gia đình:** Bà Nguyễn Ngọc Dạ Linh C và ông Trần Ngọc Q tự nguyện nộp toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã theo biên lai thu tiền số 0012659 ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Nguyễn Ngọc Dạ Linh C và ông Trần Ngọc Q đã nộp xong lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV13;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- THA dân sự TPHCM;
- TAND TPHCM
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trường Mạnh